



Working Paper 2024.1.2.10
- Vol 1, No 2

**THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC 182 NĂM 1999 CỦA ILO VỀ
NGHIÊM CẤM VÀ HÀNH ĐỘNG KHẨN CẤP XÓA BỎ CÁC HÌNH THỨC
LAO ĐỘNG TRẺ EM TỘI TỆ NHẤT TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM
VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ**

Mai Thùy Dương¹, Kiều Doãn Tùng Linh, Lê Thị Thanh Thủy

Sinh viên K60 – Luật Thương mại quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Lan Anh

Giảng viên Bộ môn Pháp luật lao động

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển kinh tế, việc sử dụng lao động trẻ em vẫn đang là một vấn đề đáng quan ngại. Tuy Việt Nam đã tham gia và cam kết thực hiện Công ước 182 của ILO về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất nhằm ngăn chặn và từng bước xóa bỏ nạn lao động trẻ em, nhưng thực trạng thực hiện công ước này trong hoạt động kinh doanh của pháp nhân thương mại ở Việt Nam vẫn chưa được nghiên cứu và đánh giá một cách đầy đủ, chi tiết. Có thể thấy, hiện nay, nhiều doanh nghiệp, chủ sử dụng lao động rất chuộng lao động trẻ em. Bên cạnh đó, nhóm tác giả xét thấy tính phức tạp đặc biệt của hoạt động kinh doanh có thể che giấu tình trạng lạm dụng và tình trạng lao động phi chính thức đối với đối tượng là trẻ em, những chủ thể chưa có nhận thức rõ ràng về pháp luật. Chính vì vậy, trong bài nghiên cứu này, nhóm tác giả sẽ đưa ra các số liệu về và đánh giá tổng quan về thực trạng thực hiện Công ước 182 của pháp nhân thương mại tại Việt Nam, đồng thời xem xét các hạn chế và thách thức của hiện trạng nêu trên. Từ đó, nhóm đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần giảm thiểu tình trạng sử dụng lao động trẻ em tại Việt Nam, đồng thời xây dựng môi trường hoạt động lao động an toàn và uy tín trong mắt các đối tác quốc tế.

Từ khóa: hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, lao động trẻ em, công ước 182, ILO.

¹ Tác giả liên hệ, Email: k60.2114610008@ftu.edu.vn

THE IMPLEMENTATION STATUS OF ILO CONVENTION 182 IN 1999 ON THE WORST FORMS OF CHILD LABOUR IN THE BUSINESS ACTIVITIES OF LEGAL ENTITIES IN VIETNAM AND SOME RECOMMENDATIONS

Abstract

In the context of globalization and economic development, child labor is still a matter of concern. Although Vietnam has joined and committed to implementing ILO Convention 182 on the Worst Forms of Child Labor to prevent and gradually eliminate child labor, the current status of implementing this Convention in International business activities of commercial legal entities in Vietnam has not yet been researched and evaluated fully and in detail. It can be seen that today, many businesses and employers still favor child labor. In addition, the authors consider that the special complexity of international business activities can hide abuse and informal labor of children, who are unaware of the law. Therefore, in this research article, the authors will provide data and an overall assessment of the current implementation status of Convention 182 by commercial legal entities in Vietnam, while also considering the limitations and challenges of the status quo mentioned above. From there, the group proposed some recommendations to contribute to minimizing and eliminating the use of under-aged workers in Vietnam, while building a safe and reputable business environment in the eyes of international partners.

Key words: worst forms of child labour, child labour, convention 182, ILO.

1. Lời mở đầu

Trên phương diện pháp luật, luật lao động các nước đều có quy định về lao động trẻ em (LĐTE). Trong những năm qua, cùng với việc sửa đổi luật trong nước cho phù hợp với thực tế, Việt Nam đã có nhiều thành tích trong việc bảo LĐTE và xóa bỏ LĐTE. Tuy nhiên, do hoàn cảnh đời sống kinh tế tại nhiều nơi trên cả nước còn thấp nên những quy định của pháp luật nhiều khi chưa được áp dụng hiệu quả. Đặc biệt, có nhiều trường hợp trẻ em tham gia vào những hình thức lao động tồi tệ được quy định trong Công ước số 182 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO).

Doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam cần phải chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo rằng họ không sử dụng LĐTE ở những lĩnh vực và điều kiện được quy định bởi pháp luật và tuân thủ Công ước 182 của ILO. Điều này không chỉ là một trách nhiệm pháp lý mà còn là phẩm chất đạo đức, tinh thần đóng góp vào xây dựng một xã hội phát triển bền vững và công bằng của Việt Nam. Đặt đề tài này trong bối cảnh hội nhập quốc tế, khi công đồng quốc tế cần theo dõi và đánh giá việc thực hiện Công ước 182 tại Việt Nam, nhóm tác giả nhận thấy tầm quan trọng của việc đảm bảo duy trì cam kết quốc tế về quyền của trẻ em đối với lợi ích của không chỉ cho trẻ em mà còn cho toàn xã hội và doanh nghiệp.

Nghiên cứu này sẽ đi sâu vào việc tìm hiểu và đánh giá tình trạng tuân thủ Công ước 182 bởi các doanh nghiệp hoạt động ở Việt Nam, đặc biệt là những doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp có nguy cơ cao về LĐTE và phân tích những hạn chế và thách thức trong quá trình thực hiện Công ước này, từ đó đưa ra những khuyến nghị giúp cải thiện tình hình và đảm bảo tuân thủ Công ước 182 tốt hơn.

2. Một số vấn đề lý luận liên quan đến Công ước 182 năm 1999 về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất của ILO

2.1. Khái quát định nghĩa về trẻ em, lao động trẻ em và hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất

2.1.1. Định nghĩa về trẻ em

Đối với pháp luật quốc tế, theo điều 2 Công ước 182: “Trong Công ước này, thuật ngữ “trẻ em” sẽ áp dụng cho tất cả những người dưới 18 tuổi”. Ngoài ra, theo Điều 1 của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, 1989 (CRC): “Trong phạm vi Công ước này, trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn”.

Trong pháp luật Việt Nam, theo Điều 1 Luật Trẻ em 2016, sửa đổi bổ sung năm 2018 có quy định: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”. Bên cạnh đó, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, có nhiều văn bản đề cập tới khái niệm “người chưa thành niên”. Tuy khái niệm “người chưa thành niên” được sử dụng ít nhiều khác nhau trong các ngành luật khác nhau, chẳng hạn như Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật hình sự 2015, Bộ luật lao động 2019, Luật hành chính, song, như đã đề cập, dấu hiệu chung của người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi. Có thể thấy, trong một chừng mực nhất định, thuật ngữ “trẻ em” theo CRC và thuật ngữ “người chưa thành niên” theo pháp luật Việt Nam đều có cùng một ý nghĩa chỉ những người chưa trưởng thành, còn non nớt cả về thể chất và trí tuệ, cần nhận được bảo vệ đặc biệt.

Tuy nhiên, trong bài nghiên cứu này, thuật ngữ “trẻ em” sẽ áp dụng cho tất cả những người dưới 18 tuổi theo quy định chung của luật pháp quốc tế.

2.1.2. Định nghĩa về lao động trẻ em

Không phải tất cả công việc do trẻ em làm đều được coi là LĐTE và cần phải bị xóa bỏ. Theo ILO, “lao động trẻ em” là tình trạng trẻ em tham gia làm các loại công việc tước đi tuổi thơ, tiềm năng và phẩm giá của trẻ em, đồng thời có hại cho sự phát triển về mặt thể chất, tinh thần, xã hội và đạo đức; và/hoặc cản trở việc học của trẻ em bằng nhiều cách. Các tiêu chí xác định LĐTE bao gồm độ tuổi của trẻ, loại công việc và số giờ lao động, điều kiện lao động và các quy định chi tiết hơn do từng quốc gia đặt ra. Các trường hợp ngoại trừ (không phải LĐTE) bao gồm “công việc nhẹ”, “không có khả năng gây tổn hại đến sức khỏe hoặc sự phát triển của các em” và “không ảnh hưởng đến việc học tập, việc tham gia vào những chương trình hướng nghiệp hay đào tạo nghề đã được các nhà chức trách có thẩm quyền chấp thuận, hoặc những chương trình mà các em có khả năng tiếp thu”.

Trong pháp luật Việt Nam, căn cứ vào Điều 4, khoản 7 và Điều 26, Luật trẻ em 2016; Điều 143, Bộ Luật Lao động 2019, “lao động trẻ em” được hiểu là trẻ em và người chưa thành niên làm các công việc trái quy định pháp luật về lao động, tham gia lao động mà hoạt động lao động đó cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách và sự phát triển toàn diện. Pháp luật Việt Nam cũng quy định các trường hợp ngoại lệ bao gồm: Công việc nhẹ là công việc trẻ em có thể thực hiện mà không ảnh hưởng tới sức khỏe và sự an toàn, hoặc không cản trở việc học tập hoặc đào tạo nghề của các em.

2.1.3. Định nghĩa về hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất

Theo Điều 3 của Công ước 182 quy định về “các hình thức LĐTE tồi tệ nhất”. trong đó, công việc đề cập trong điểm d Điều này: “những công việc mà tính chất hoặc các điều kiện của

nó có thể xâm hại đến sức khỏe, an toàn và đạo đức của trẻ” thường được nhắc đến trong các văn bản, báo cáo và khảo sát dưới thuật ngữ “công việc nguy hiểm” (tiếng anh là “hazardous work”). Theo Khoản 1 Điều 4 Công ước 182: “Những loại công việc nêu tại Điều 3 d) sẽ do luật pháp và quy định của quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền xác định sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức người lao động và người sử dụng lao động, có tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể là theo Đoạn 3 và 4 của Khuyến nghị về Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất, năm 1999”. Đoạn 3 Khuyến nghị này quy định: việc xác định những công việc mà tính chất và hoàn cảnh làm việc có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em cần dựa trên các yếu tố như môi trường lao động độc hại, liên quan đến dụng cụ, máy móc nguy hiểm, thời gian lao động kéo dài, liên tục,... Có thể nói, danh mục công việc nguy hiểm quy định tại điểm d Điều 3 của Công ước 182 thường được coi là loại hình đại diện cho các hình thức LĐTE tồi tệ nhất (HTLĐTETTN) bởi: *Thứ nhất*, các HTLĐTETTN ở điểm a,b và c của Điều trên vẫn còn rất khó để khoanh vùng và khảo sát, do vậy, số liệu quốc gia của các HTLĐTETTN này là vô cùng khó tìm hoặc gần như là không có, đối với cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. *Thứ hai*, LĐTE nguy hiểm là HTLĐTETTN phổ biến nhất, chiếm phần lớn hơn so với các danh mục còn lại theo Điều 3 Công ước 182.

2.2. Khái quát về Tổ chức Lao động Quốc tế

Tổ chức Lao động quốc tế (International Labour Organization - viết tắt là ILO) được thành lập ngày 11/04/1919 theo Hiệp ước Vecxai kết thúc Thế chiến thứ nhất, nhằm phản ánh niềm tin rằng hòa bình phổ quát và lâu dài chỉ có thể đạt được nếu nó dựa trên công bằng xã hội. Năm 1946, ILO trở thành tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc. Từ đây, ILO trở thành cơ quan duy nhất của Liên hợp quốc hoạt động theo cơ chế ba bên. Nền tảng hoạt động của ILO là sự hợp tác giữa đại diện của các cơ quan chính phủ, đại diện người sử dụng lao động và người lao động. Tính đến năm 2023, ILO đã có 187 quốc gia thành viên, và đã ban hành 10 Công ước cơ bản; 4 Công ước về quản trị và 208 khuyến nghị chứa đựng các tiêu chuẩn lao động trong các lĩnh vực khác nhau.

2.3. Khái quát về những Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế của ILO

Kể từ năm 1919, ILO đã thiết lập nên một hệ thống các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế (International Labour Standards, viết tắt là ILS) nhằm mục đích thúc đẩy các cơ hội cho cả phụ nữ và nam giới có được việc làm bền vững và hiệu quả, trong điều kiện tự do, công bằng, an ninh và tôn trọng nhân phẩm trong nền kinh tế hội nhập. ILS là các văn bản pháp lý do các đối tác ba bên của ILO (chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động) soạn thảo và thông qua. ILS được ban hành dưới dạng các Công ước hoặc Khuyến nghị.

Vào tháng 6 năm 1998, đại biểu các nước thành viên tham gia Hội Nghị Lao động Quốc tế (trong đó có cả Việt Nam) đã thông qua “Tuyên ngôn về những Nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc”. Tuyên bố trên đã xác định bốn nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động, thể hiện trong bốn cặp công ước của ILO, gồm: Công ước số 87 về Tự do Liên kết và Bảo vệ Quyền Tổ chức, 1948 và Công ước số 98 về Quyền Tổ chức và Thương lượng tập thể, 1949; Công ước số 29 về Lao động Cường bức hoặc bắt buộc, 1930 và Công ước số 105 về Xóa bỏ Lao động Cường bức hoặc bắt buộc, 1957; Công ước số 138 về Tuổi Tối thiểu, 1973 và Công ước số 182 về Những HTLĐTETTN, 1999; Công ước số 100 về Trả công Bình đẳng, 1951 và Công ước số 111 về Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp, 1958. Ngày nay,

bốn cặp công ước này được gọi với các tên khác nhau như: các tiêu chuẩn lao động cốt lõi, các nguyên tắc và quyền lao động nền tảng, các tiêu chuẩn lao động được quốc tế thừa nhận, các công ước nhân quyền trong lao động.

Sau hơn 30 năm kể từ thời điểm tái gia nhập ILO (năm 1992), Việt Nam luôn thể hiện sự nỗ lực cam kết và thực hiện các công ước quốc tế nói chung và các công ước quốc tế về quan hệ lao động nói riêng, nhằm thúc đẩy và đảm bảo tiêu chuẩn lao động cơ bản cho người lao động Việt Nam theo đúng các chuẩn mực quốc tế về quyền của người lao động. Tính đến năm 2023, Việt Nam đã phê chuẩn 7 trên 8 tiêu chuẩn lao động quốc tế của ILO. Đặc biệt trong năm 2019, đã có 3 Công ước cơ bản được phê chuẩn thêm: Công ước 98, 159, 88 và Công ước số 105 phê chuẩn vào năm 2020. Việc phê chuẩn các Công ước quốc tế nói chung, các tiêu chuẩn Lao động Quốc tế của ILO nói riêng vào Việt Nam tạo ra những tác động căn bản đến quan hệ lao động trên nhiều phương diện. Có những tác động cho thấy những hệ quả tích cực cụ thể, bên cạnh đó cũng có những tác động lại mang đến những thách thức lớn cho quan hệ lao động.

2.4. Khái quát về Công ước 182 năm 1999 về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất của ILO

Công ước 182 về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (viết tắt là Công ước 182) được thông qua tại kỳ họp thứ 87 của các quốc gia thành viên ILO tại Geneva vào năm 1999. Đây là một trong tám Công ước cơ bản của ILO, đề cập đến các vấn đề nhức nhối như xóa bỏ lao động cưỡng bức, xóa bỏ phân biệt đối xử liên quan đến việc làm cũng như quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể,... Công ước 182 là Công ước được phê chuẩn nhanh nhất (bởi tất cả 187 quốc gia thành viên của ILO trên toàn cầu) trong lịch sử 101 năm của cơ quan Liên hợp quốc. Trong đó, Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn Công ước này vào ngày 19/12/2000. Công ước 182 có hiệu lực vào ngày 19/11/2000.

Công ước 182 không trùng chéo với Công ước 138 năm 1973 của ILO về Tuổi Lao động tối thiểu (Minimum Age Convention) và hỗ trợ Công ước 138 bằng cách tập trung vào việc ngăn chặn và giảm thiểu LĐTE, đặc biệt là loại bỏ những loại LĐTE tồi tệ nhất. Vì cả hai Công ước đều có mục tiêu chung là giải quyết vấn đề LĐTE, nên việc tham gia Công ước 182 không cần phải sửa đổi, thay thế hoặc ảnh hưởng đến việc phê chuẩn hoặc thực hiện Công ước 138.

3. Thực trạng thực hiện Công ước 182 ILO trong hoạt động kinh doanh của pháp nhân thương mại ở Việt Nam

3.1. Vai trò và trách nhiệm của các pháp nhân thương mại trong việc thực hiện Công ước 182 của ILO trong hoạt động kinh doanh

Là một thành viên của Liên hợp quốc, Việt Nam cũng đã phê chuẩn Công ước 182 của ILO về Các hình thức LĐTE tồi tệ nhất. Tại Điều 1 của Công ước 182 quy định: “*Mỗi Nước thành viên phê chuẩn Công ước này sẽ tiến hành những biện pháp khẩn cấp và hiệu quả để đảm bảo việc nghiêm cấm và xóa bỏ các hình thức LĐTE tồi tệ nhất.*” Điều này cho thấy Việt Nam cũng đặt nhiều sự quan tâm đối với vấn đề này. Tuy nhiên, trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của lao động trẻ, cần nhất vẫn là sự chung tay của các pháp nhân thương mại - chủ thể trực tiếp sử dụng lao động.

Tuân thủ theo Công ước 182, luật pháp Việt Nam đã có những chế định cụ thể, có thể áp dụng với các pháp nhân thương mại, để nhằm bảo vệ LĐTE. Trong Hiến pháp năm 2013 - văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao nhất, có quy định tại Điều 35 như sau: “*Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu*”. Dựa vào điều khoản này, các văn bản luật khác của Việt Nam cũng đã phát triển các khung nguyên tắc chi tiết để bảo hộ quyền của trẻ em khi tham gia vào lực lượng lao động.

Căn cứ vào Luật trẻ em số 102/2016/QH13 năm 2016 và Bộ luật Lao động năm 2019, có thể đặt ra các trách nhiệm chính khi sử dụng lao động là trẻ em được tổng hợp lại thành các ý chính như sau:

1. *Chỉ sử dụng lao động trẻ vào những công việc phù hợp với sức khỏe.*
2. *Chỉ sử dụng trẻ dưới 15 tuổi làm những công việc cho phép theo nhóm tuổi*
3. *Chăm sóc về lao động, tiền lương, sức khỏe, học tập của lao động trẻ*
4. *Lập sổ theo dõi riêng và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu*
5. *Tạo cơ hội cho lao động trẻ được học văn hóa*
6. *Ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật*
7. *Bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi*

3.2. Thực trạng quy định pháp luật Việt Nam về sử dụng lao động trẻ em

Bên cạnh việc ký kết các công ước quốc tế, sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ Việt Nam đối với việc bảo vệ quyền lợi của LĐTE còn thể hiện ở việc nội luật hóa các quy định của pháp luật quốc tế vào hệ thống pháp luật quốc gia và tiến hành triển khai, thực thi các chính sách để đảm bảo quyền trẻ em được bảo vệ và đối xử công bằng. Một số văn bản pháp luật có vai trò quan trọng phải kể đến như:

Thứ nhất, Luật trẻ em số 102/2016/QH13 năm 2016. Theo quy định của Luật trẻ em 2016, *trẻ em là người dưới 16 tuổi*, và dựa vào căn cứ này, các quyền tham gia các mối quan hệ lao động của trẻ em được quy định cụ thể trong luật lao động. Hơn nữa, Luật trẻ em cũng thiết lập các quy định trực tiếp bảo vệ trẻ em khỏi bị xâm phạm, bị bóc lột trong mọi hình thức của lao động, cấm làm việc trước tuổi quy định, làm việc quá giờ, hoặc tham gia vào công việc mạo hiểm, nặng nhọc, và độc hại theo quy định của luật pháp. Ngoài ra, không được bố trí trẻ em vào công việc hoặc môi trường làm việc có thể ảnh hưởng xấu đến sự phát triển toàn diện và nhân cách của các em.

Thứ hai, Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 năm 2019. Bộ luật Lao động điều chỉnh các vấn đề liên quan đến quyền của LĐTE, gồm có các quy định về độ tuổi tối thiểu để làm việc, thời gian làm việc của người lao động chưa thành niên và nguyên tắc sử dụng LĐTE. Về độ tuổi lao động tối thiểu, Bộ luật Lao động xác định rằng người lao động phải đủ 15 tuổi trở lên, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt khi người lao động tham gia vào các công việc nhẹ nhàng. Trong trường hợp này, độ tuổi tối thiểu có thể là 13 tuổi hoặc thậm chí còn thấp hơn, tùy thuộc vào tính chất của công việc. Có thể thấy, Bộ luật Lao động đã ghi nhận trường hợp trẻ em tham gia vào các mối quan hệ lao động, nhưng tùy theo loại công việc mà quy định độ tuổi tối thiểu cho người lao động chưa thành niên có thể khác nhau, điều này cũng được quy định trong Thông tư 11/2013/TT-BLĐTBXH. Đây cũng là một điểm ưu việt của pháp luật lao động Việt Nam.

Quy định này tạo điều kiện cho trẻ em có tài năng, đam mê và khả năng phát triển trong các lĩnh vực nghệ thuật, thể dục thể thao được thể hiện và phát huy tốt nhất, góp phần đa dạng hóa và phong phú hóa nền văn hóa, nghệ thuật và thể thao của đất nước. Thời gian làm việc trong một ngày và một tuần cũng được giới hạn dựa trên độ tuổi. Bên cạnh đó là các nguyên tắc khi sử dụng LĐTE, bao gồm đảm bảo tính phù hợp của công việc và quy định về việc sử dụng LĐTE bởi cha mẹ hoặc người giám hộ.

Thứ ba, Nghị định số 28/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính. Dựa trên quy định về trách nhiệm của những người sử dụng LĐTE trong các mối quan hệ lao động, Nghị định này đã xây dựng các chế tài hành chính đối với vi phạm liên quan đến lao động chưa thành niên. Những vi phạm này bị xử lý bằng việc áp đặt mức phạt tiền tùy theo mức độ nghiêm trọng của vi phạm mà các khoản phạt khác nhau được quy định.

Thứ tư, Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 năm 2015. Bộ luật này áp dụng các biện pháp chế tài hình sự đối với vi phạm liên quan đến sử dụng LĐTE trong các công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại. Hình phạt bao gồm phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ và phạt tù. Ngoài ra, Bộ luật Hình sự cũng quy định các hình phạt đối với các hành vi vi phạm liên quan đến sử dụng hình thức LĐTE tồi tệ nhất như sử dụng trẻ em vào mục đích khiêu dâm, dụ dỗ trẻ em phạm pháp, và mại dâm trẻ em.

Nhìn chung, hệ thống pháp luật Việt Nam về LĐTE đang ngày càng hoàn thiện và dần đáp ứng sự thay đổi của xã hội và phù hợp với pháp luật quốc tế. Đây là tạo nền tảng pháp lý để đảm bảo an toàn, phòng ngừa bạo lực và lạm dụng đối với LĐTE.

3.3. Thực trạng lao động trẻ em trên thế giới

Theo báo cáo gần nhất do ILO hợp tác với Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF): Ước tính toàn cầu chỉ ra rằng 160 triệu trẻ em phải LĐTE trên toàn cầu vào đầu năm 2020, chiếm gần 1/10 tổng số trẻ em trên toàn thế giới. Trong đó, 79 triệu trẻ em phải làm những công việc nguy hiểm, độc hại, đe dọa trực tiếp đến sức khỏe, sự an toàn và sự phát triển đạo đức của các em. Con số này đã tăng lên đáng kể so với lần khảo sát liền kề trước đó vào năm 2016 khi số trẻ em tham gia vào các công việc nguy hiểm đạt 72,5 triệu trên 151,6 triệu trẻ em lao động. Dựa vào số liệu theo lĩnh vực lao động: Có thể thấy hầu hết LĐTE diễn ra trong lĩnh vực nông nghiệp so với trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ (với 112 triệu trẻ em, chiếm 70% LĐTE). Trong đó, công việc nguy hiểm chiếm một tỷ lệ lớn trong LĐTE đối với trẻ em từ 5 đến 14 tuổi ở cả 3 lĩnh vực kinh tế với 32,9% trong nông nghiệp, 54,8% trong công nghiệp và 38,2% trong dịch vụ.

3.4. Thực trạng sử dụng lao động trẻ em tại Việt Nam

Theo số liệu thống kê của cuộc điều tra quốc gia năm 2018, so với cuộc điều tra quốc gia năm 2012 thì đã có sự chuyển biến khá tích cực về quy mô và xu hướng trong việc sử dụng LĐTE: từ 9,6% (năm 2012) giảm xuống còn 5,4% (năm 2018).

Trong số trẻ em lao động, có 519 nghìn trẻ em được xác định là làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm. Con số này chiếm 2,7% của tổng số trẻ em trong độ tuổi từ 5 - 17 tuổi. So với tổng số trẻ em trên cả nước thì đây không phải con số quá lớn, tuy nhiên khi so sánh với tổng số trẻ em tham gia hoạt động kinh tế thì nó chiếm tới 29,6% và chiếm gần một nửa tổng số LĐTE (khoảng 50,4%).

Để hiểu rõ hơn về tình hình, nhóm tác giả sẽ tập trung phân tích thực trạng sử dụng LĐTE trong ba lĩnh vực kinh tế quan trọng: nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

3.4.1. Nông nghiệp

Cuộc điều tra quốc gia xác định trẻ em tham gia lao động ở cả 3 khu vực kinh tế của nền kinh tế quốc dân. Trong đó, khu vực nông nghiệp thu hút hơn một nửa số trẻ em hoạt động kinh tế. Có tới 8 loại công việc thuộc khu vực nông nghiệp với tỷ lệ trẻ em tham gia đạt 67,9%.

Tỷ lệ LĐTE trong hai ngành chăn nuôi và trồng trọt thường cao hơn so với các ngành khác: tỷ lệ sử dụng LĐTE trong trồng trọt là cao nhất (33,5%) theo thống kê của cuộc điều tra quốc gia năm 2012 và tỷ lệ trong chăn nuôi (28,9%) là cao nhất trong cuộc điều tra quốc gia 2018. Điều này có thể được giải thích là bởi trồng trọt và chăn nuôi thường là một phần quen thuộc của cuộc sống nông thôn, trẻ em thường theo bước cha mẹ và gia đình làm các loại công việc này; Trẻ em tham gia vào các công việc như làm đất, tưới nước, thu hoạch hay chăm sóc gia súc ít gặp nguy cơ chấn thương hoặc tác động có hại đối với sức khỏe so với các công việc trong công nghiệp hoặc xây dựng; Và thời gian làm việc cũng có sự linh hoạt hơn so với các công việc trong môi trường công nghiệp - xây dựng hay dịch vụ.

Hai địa điểm làm việc phổ biến nhất trong ngành nông nghiệp của LĐTE là làm việc tại nhà mình và tại các trang trại, ruộng, vườn. Làm việc tại nhà là địa điểm phổ biến nhất cho LĐTE. Có gần 600 nghìn trẻ em làm việc tại nhà mình, chiếm tỷ lệ 33,6% của toàn bộ trẻ em tham gia hoạt động kinh tế, phổ biến ở mọi lứa tuổi và giới tính. Tuy nhiên, độ tuổi càng tăng thì tỷ lệ trẻ làm việc tại nhà mình giảm dần. Địa điểm làm việc phổ biến thứ hai cho trẻ em trong ngành nông nghiệp là tại các trang trại, ruộng, vườn. Gần 235 nghìn trẻ em làm việc những nơi này, chiếm tỷ lệ 13,4% tổng toàn bộ trẻ em tham gia lao động. Trong số đó có khoảng 30.000 trẻ em còn tham gia lao động trong những công việc với điều kiện lao động ngoài trời, đi lại nhiều dễ bị tai nạn, phải tiếp xúc với hóa chất gây hại như phân bón, thuốc trừ sâu, dễ bị tai nạn, thương tích và các tổn thương khác đến sự phát triển thể chất của trẻ em. Một phần ba trẻ em có thời gian làm việc trên 7 giờ một ngày hoặc trên 42 giờ một tuần. Điều này là do tính chất công việc có thời gian làm việc kéo dài và thường xuyên nên không thể đến trường học.

Xét đến tình hình thực hiện pháp luật lao động đối với LĐTE, nhóm tác giả có đánh giá như sau: trẻ em được nhận vào làm việc thường không có hợp đồng lao động mà đều được các chủ doanh nghiệp nhận là người nhà vào học việc hoặc làm việc tạm thời, không ổn định; Về việc làm, những công việc như tưới tiêu, hái gặt, chăm sóc gia súc, gia cầm... vừa với sức của các em, không độc hại, nặng nhọc theo danh mục nghề lao động chưa thành niên không được làm; Về thời giờ làm việc và nghỉ ngơi: các em đều phải làm việc theo thời gian làm việc của lao động bình thường, không có doanh nghiệp nào thực hiện cho các em nghỉ hàng năm 14 ngày như quy định của Bộ luật lao động 2019. Các doanh nghiệp đều không có sổ theo dõi lao động chưa thành niên riêng như quy định của Bộ luật lao động; Về trả lương, các em đều làm và ăn lương theo sản phẩm như quy định của doanh nghiệp, không phân biệt người trưởng thành hay trẻ em; Không có khám sức khỏe định kỳ cho các em.

Thông thường trẻ em tham gia làm các công việc trên để phụ giúp gia đình, đặc biệt là các hộ khó khăn về kinh tế. Tuy nhiên việc này ngày càng bị lạm dụng bởi tính chất cũng như hình thức công việc trông có vẻ vô hại và không nặng nhọc cùng với việc thiếu hiểu biết hay phớt lờ quyền trẻ em của các bậc cha mẹ hay chính các em. Việc ngày càng có nhiều em phải làm thuê,

làm việc như người lớn để nuôi mình, nuôi gia đình khiến thời gian đi học, nghỉ ngơi của các em bị giảm có thể xem là hình thức bóc lột sức lao động, lạm dụng thể chất mà không hề biết. Điều này có thể được xem là phạm vào một trong những điều kiện của Công ước 182, cụ thể là những công việc mà tính chất hoặc các điều kiện của nó có thể xâm hại đến sức khỏe, an toàn và đạo đức của trẻ. Những công việc này khiến trẻ em lâm vào tình trạng dễ bị lạm dụng về thể chất qua hai yếu tố sau: Thứ nhất, trẻ em tham gia vào các công việc nặng nhọc và đòi hỏi sức lao động như cấy, gặt, thu hoạch, và làm việc ngoài trời trong các điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Những công việc này có thể đặt trẻ em vào tình trạng dễ bị lạm dụng về thể chất, đặc biệt là khi các em phải tiếp xúc với chất độc hại như phân bón, thuốc trừ sâu. Thứ hai, trẻ em phải làm những công việc này trong nhiều giờ liền - là một trong những yếu tố xác định công việc đó xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn của trẻ em.

3.4.2. Công nghiệp - Xây dựng

Theo số liệu có được từ cuộc Điều tra quốc gia về LĐTE năm 2012, tỷ lệ LĐTE trong ngành Công nghiệp - xây dựng chiếm phần trăm nhỏ nhất. Và theo khảo sát năm 2018, số liệu này vẫn chiếm phần trăm nhỏ nhất và có xu hướng giảm so với năm 2012. Đây là một số liệu đáng mừng đối với Việt Nam. Tuy vậy, việc tồn tại LĐTE trong lĩnh vực này vẫn đặt ra dấu chấm hỏi lớn.

Theo bảng dữ liệu điều tra quốc tế về LĐTE 2012, trong số 14 công việc thu hút gần 80% tổng số trẻ em hoạt động kinh tế thì chỉ có công việc “may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)” thuộc lĩnh vực Công nghiệp - xây dựng. Có thể kết luận, đây là công việc chiếm tỷ lệ lớn sự tham gia của LĐTE trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, theo “Điều tra quốc gia về LĐTE năm 2018”, trong số 21 công việc có số lượng trẻ em tham gia nhiều nhất, có tới 6 công việc thuộc lĩnh vực Công nghiệp - xây dựng. Điều này cho thấy tuy tỷ lệ LĐTE hoạt động trong lĩnh vực này có xu hướng giảm so với điều tra năm 2012 nhưng số lượng công việc có sự tham gia của LĐTE trong lĩnh vực này đã tăng (từ 1 lên 6). Đây cũng có thể là kết quả của sự phát triển không ngừng của nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây. Song cũng đặt ra nhiều vấn đề đối với Việt Nam về bảo đảm quyền cơ bản của LĐTE.

Dễ dàng thấy, công việc may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) được liệt kê trong cả 2 cuộc điều tra và chiếm phần trăm lớn nhất số LĐTE trong lĩnh vực Công nghiệp - xây dựng. Trong những năm gần đây, ngành may mặc tại Việt Nam đã có một sự phát triển đáng kể và trở thành một ngành công nghiệp lớn đóng góp vào GDP của quốc gia. Việt Nam đã trở thành một điểm đến hấp dẫn cho các nhà sản xuất quốc tế không chỉ nhờ quy mô sản xuất lớn và chất lượng sản phẩm tốt mà còn bởi chi phí lao động thấp.

Đối với các ngành sản xuất như: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; sản xuất giường, tủ, bàn; sản xuất thực phẩm khác cũng có những điểm chung nhất định với ngành may mặc. Một số công việc trong những ngành này chỉ yêu cầu kỹ năng đơn giản và không đòi hỏi trình độ cao, do đó rất dễ dàng để các doanh nghiệp thuê lao động tại Việt Nam, đặc biệt là LĐTE. Tuy nhiên, làm việc trong môi trường sản xuất như trên cũng có một số nhược điểm nhất định như vấn đề về điều kiện làm việc, môi trường lao động, vv... Và đây cũng có thể là những yếu tố dẫn đến sự vi phạm các quyền cơ bản của LĐTE được quy định theo pháp luật Việt Nam cũng như một số tiêu chuẩn lao động

quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn. Một trong số đó là người lao động phải làm việc trong môi trường công nghiệp, có dây chuyền sản xuất lớn. Điều này thường khiến người lao động e ngại về vấn đề không đảm bảo an toàn lao động, phải đối mặt với môi trường làm việc không an toàn. Các máy móc và thiết bị trong công nghiệp có thể gây nguy hiểm, có nguy cơ tai nạn cao. Theo thông báo tình hình tai nạn lao động năm 2022, về các nguyên nhân chủ yếu để xảy ra tai nạn lao động chết người, thì thiết bị không đảm bảo an toàn lao động chiếm 3,1% tổng số vụ và 2,99% tổng số người chết. Dựa trên thực tiễn, khi LĐTE tham gia vào những công việc này, thì hoàn toàn có thể coi là những công việc vi phạm Khoản 1 Điều 4 Công ước 182 mà tính chất và hoàn cảnh làm việc có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em.

Theo Điều tra quốc gia về LĐTE năm 2018, công việc xây dựng nhà các loại đứng thứ 2 sau công việc may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) có phần lớn số LĐTE trong lĩnh vực Công nghiệp - xây dựng. Có thể nói, ngành xây dựng cũng là một ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam. Theo Tổng Hội Xây dựng Việt Nam, cả nước hiện nay có 78.000 doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng (gồm các thành phần kinh tế), với khoảng 7 triệu lao động. Nhưng số lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp nghề chỉ chiếm tỷ lệ 11,8%; số thợ bậc cao (bậc 6, 7) chỉ chiếm khoảng 7% nhân lực ngành xây dựng. Con số này cũng chính là lời giải thích cho việc xuất hiện bộ phận LĐTE trong ngành nghề này những năm trở về đây.

Và trên thực tiễn, ngành xây dựng cũng tồn tại những rủi ro nhất định. Bên cạnh những nhược điểm khi phải làm việc với máy móc, thiết bị, vật liệu giống như những ngành nghề sản xuất nêu trên. Người làm việc trong ngành xây dựng còn phải chịu đựng nhiều điều kiện khó khăn về thời tiết, nhiệt độ, bụi bặm, tiếng ồn, ánh sáng,... Tuy nhà nước đã có đưa ra “Thông tư số 04/2017/TT-BXD quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình” để một phần đảm bảo vấn đề an toàn lao động. Nhưng tỷ lệ lao động trong ngành này vẫn chiếm số lượng lớn. Theo thông báo tình hình tai nạn lao động năm 2022, lĩnh vực xây dựng chiếm 12,23% tổng số vụ tai nạn và 12,76% tổng số người chết. Đây là con số lớn thứ 2 chỉ sau lĩnh vực khai thác mỏ, khai thác khoáng sản. Và khi đối chiếu với các yếu tố như lạm dụng về thể chất, công việc ở độ cao nguy hiểm, sử dụng các loại máy móc, thiết bị hoặc dụng cụ nguy hiểm, môi trường có hại cho sức khỏe, mức độ tiếng ồn gây ảnh hưởng đến sức khỏe,... , có thể các doanh nghiệp Việt Nam khi sử dụng LĐTE rất dễ vi phạm các quy định về bảo vệ lao động trẻ cũng như Công ước 182.

Bên cạnh đó, các công việc thuộc lĩnh vực Công nghiệp - xây dựng được nêu trên, thường có đặc tính bất định. Những doanh nghiệp sản xuất có thể gặp khó khăn trong việc duy trì một lịch trình làm việc ổn định, đôi lúc sẽ có những đơn hàng lớn từ khách hàng, đòi hỏi sản xuất nhanh chóng và chất lượng cao. Hay đối với các doanh nghiệp xây dựng làm việc theo dự án, công trình, người lao động phải chịu áp lực từ tiến độ, chất lượng công việc. Điều này có thể dẫn đến việc người lao động phải làm việc theo ca, làm việc vào ban đêm, thậm chí cả ngày nghỉ cuối tuần để đảm bảo công việc. Khi trẻ em tham gia vào lực lượng lao động lĩnh vực này, thì những công việc này cũng sẽ bị coi là “Những công việc trong những điều kiện đặc biệt khó khăn như làm việc nhiều giờ liền, làm việc ban đêm...” và tất nhiên là sẽ vi phạm Công ước 182.

3.4.3. Dịch vụ

Dựa vào số liệu từ Điều tra quốc gia về LĐTE năm 2012, tỷ lệ LĐTE trong ngành dịch vụ đứng thứ 2 trong 3 khu vực kinh tế. Và theo khảo sát năm 2018, số liệu này đã có xu hướng giảm theo theo tổng số LĐTE chung trên cả nước.

Theo bảng dữ liệu điều tra quốc tế về LĐTE 2012, trong số 14 công việc thu hút gần 80% tổng số trẻ em hoạt động kinh tế thì có 4 công việc thuộc lĩnh vực dịch vụ: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh; nhà hàng, dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ phục vụ đồ uống. Và con số này cũng đã tăng, bởi theo “Điều tra quốc gia về LĐTE năm 2018”, trong số 21 công việc có số lượng trẻ em tham gia nhiều nhất, có tới 7 công việc thuộc lĩnh vực dịch vụ.

Dễ thấy, đối với điều tra năm 2012, công việc tại nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động chiếm tỷ lệ lớn nhất số LĐTE làm việc trong lĩnh vực dịch vụ và đứng thứ 2 là bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh. Nhưng đến điều tra năm 2018, vị trí này đã có sự thay đổi, tuy nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động vẫn chiếm số lượng lớn nhưng lại đứng sau công việc bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp - ngành nghề mà theo điều tra năm 2012, số lượng LĐTE chưa có nhiều.

Thị trường bán lẻ Việt Nam được đánh giá là phát triển khá mạnh trong những năm gần đây khi tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội có mức tăng trưởng nhanh. Đây là ngành có nhiều tiềm năng phát triển do quy mô dân số lớn (hơn 93,7 triệu người), cơ cấu dân số trẻ (60% dân số ở độ tuổi 18-50), được xếp vào nhóm các quốc gia có tầng lớp trung lưu tăng trưởng mạnh và tốc độ đô thị hóa nhanh. Trong bối cảnh kinh doanh mới, một loạt hiệp định nhiều bên, song phương về thương mại được Việt Nam ký kết. Và đây chính là nguyên nhân khiến các DN nước ngoài đẩy mạnh đầu tư vào ngành bán lẻ Việt Nam. Đồng thời với nhu cầu về các loại hàng hóa cũng tăng mạnh, thị trường bán lẻ không chỉ nở rộ ở thành thị mà ở vùng nông thôn cũng được quan tâm phát triển và mở rộng đa dạng các loại hình. Công việc bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp có lẽ là một trong những ngành dịch vụ lao động chân tay nhẹ nhàng nhất. Môi trường làm việc hầu như được đảm bảo an toàn hơn những lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng. Ngoại trừ những vị trí cấp cao hay những doanh nghiệp quy mô lớn, phần lớn công việc này không yêu cầu nhiều về mặt chuyên môn nên cũng rất dễ dàng để khai thác nguồn lao động. Vì vậy, nguồn lao động ngành này cũng dồi dào, và dễ lấp đầy nhu cầu tuyển dụng của các pháp nhân thương mại. Và cũng bởi chính những lý do trên, mà LĐTE trong ngành này cũng cao hơn cả so với các ngành dịch vụ khác. Hầu hết LĐTE làm công việc này sẽ phân bố ở các cửa hàng quy mô nhỏ, kinh doanh gia đình, hoặc phụ giúp cửa hàng của bố mẹ là chính. Vậy nên cũng sẽ ít phải chịu áp lực từ chỉ tiêu như các cửa hàng bán lẻ quy mô lớn. Điều này cũng đã phần nào bảo đảm quyền lợi của lao động trẻ được quy định theo pháp luật Việt Nam cũng như Công ước 182 về các hình thức LĐTE tồi tệ nhất.

Đối với công việc tại nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động, đây là ngành nghề khá phổ biến với LĐTE từ 2012 cho đến nay. Khi số liệu được đưa ra về công việc này luôn nằm trong top ở 2 cuộc điều tra gần nhất của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Yêu cầu của ngành này cũng không khắt khe và yêu cầu chuyên môn cao. Đồng thời môi trường làm việc cũng xuất hiện ít rủi ro và tai nạn nghề nghiệp. Đây có lẽ chính là điểm chung của hầu hết các công

việc ngành dịch vụ bao gồm cả bán lẻ cũng như dịch vụ ăn uống chung. Từ đây có thể thấy rằng, ngành dịch vụ chính là ngành tiềm ẩn ít nhất những rắc rối lao động.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại số lượng nhỏ (1,3%) LĐTE làm việc trong hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác chưa được phân vào đâu. Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân là hoạt động cung cấp các dịch vụ cho người tiêu dùng nhằm đáp ứng các nhu cầu cá nhân của họ, như làm đẹp, chăm sóc sức khỏe, giải trí, giáo dục, du lịch,... Trên thực tế, ngành này cũng tiềm ẩn nguy cơ đối với LĐTE, nhất là những trẻ em nông thôn, chưa đủ năng lực hành vi dân sự. Ví dụ như trẻ em bị lạm dụng trong hoạt động dịch vụ phục vụ karaoke trá hình, biến thành hàng hóa phạm pháp cho một số đối tượng buôn người qua biên giới hay là đối tượng trung gian vận chuyển hàng cấm. Trường hợp này chắc chắn vi phạm Điều 3, Công ước 182 về các hình thức LĐTE tồi tệ nhất dựa trên chi tiết định nghĩa hình thức LĐTE tồi tệ nhất: “mọi hình thức nô lệ hay tương tự nô lệ như buôn bán và vận chuyển trẻ em” “sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em vào các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt vào mục đích sản xuất và vận chuyển chất ma túy như được nêu tại các hiệp định quốc tế”.

4. Đánh giá tổng quan thực trạng thực hiện Công ước 182 ILO và một số khuyến nghị

4.1. Đánh giá tổng quan

Nhìn chung, mức độ tuân thủ của doanh nghiệp đối với Công ước 182 của ILO ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần cải thiện. Mức độ tuân thủ trong ngành nông nghiệp vẫn còn nhiều điểm yếu mặc dù có một sự giảm nhẹ về số lượng LĐTE so với các dữ liệu điều tra trước đây. Doanh nghiệp trong lĩnh vực này thường không hợp đồng hóa LĐTE. Quy định về thời gian làm việc và nghỉ ngơi của trẻ em không được thực hiện đúng mức. Có thể thấy, việc sử dụng LĐTE trong lĩnh vực này mang nguy cơ tiềm ẩn rất lớn trong việc xâm hại các quyền cơ bản của trẻ em. Trong lĩnh vực Công nghiệp - xây dựng tuy không có nhiều LĐTE nhưng số lượng LĐTE rất dễ dàng tăng bởi ngành này không yêu cầu cao về chuyên môn cũng như sự phát triển thương mại của Việt Nam. Các doanh nghiệp khi quyết định sử dụng lao động vì thế cũng cần cân trọng vì lĩnh vực này tiềm ẩn rất nhiều rủi ro vi phạm tới quy định của pháp luật về bảo vệ LĐTE. Cuối cùng, ngành dịch vụ là ngành tập trung số lượng khá đông LĐTE, vậy nhưng lại là ngành có ít nguy cơ tác động xấu đến trẻ em nhất. Dẫu còn tiềm ẩn một số nguy cơ, nhưng tổng số LĐTE làm việc trong lĩnh vực dịch vụ tại Việt Nam đã giảm đi đáng kể so với điều tra năm 2012. Điều này cho thấy nỗ lực của nhà nước cũng như các doanh nghiệp trong thực hiện và tuân thủ pháp luật Việt Nam nói chung và Công ước 182 nói riêng.

Trên đây là tất cả những số liệu chính thống được công khai tại Việt Nam và được nhóm thu thập toàn bộ để phân tích. Qua phân tích và nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy Chính phủ và Đảng đã thể hiện sự quan tâm đáng kể đối với vấn đề sử dụng LĐTE thông qua việc tiến hành các cuộc khảo sát quốc gia định kỳ để đánh giá thực trạng LĐTE. Trong tương lai, cần duy trì các cuộc khảo sát và tập trung vào các lĩnh vực mà LĐTE thường tham gia để cung cấp dữ liệu cụ thể và hướng dẫn các doanh nghiệp về việc áp dụng biện pháp bảo vệ trẻ em một cách hiệu quả.

4.2. Hạn chế và thách thức trong việc thu thập số liệu về LĐTE và HTLĐTETTN

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy những hạn chế nhất định trong việc thu thập số liệu về thực trạng LĐTE cũng như các HTLĐTETTN. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc xác định làm rõ thực trạng thực hiện Công ước 182. *Thứ nhất*, việc thiếu số liệu chính xác và cập nhật có thể gây khó khăn cho việc xác định toàn bộ mức độ LĐTE và các HTLĐTETTN, đồng thời khiến cho chính phủ và các bên liên quan khác khó xác định mục tiêu can thiệp và phân bổ nguồn lực để giải quyết vấn đề một cách thỏa đáng. *Thứ hai*, hạn chế về số liệu có thể dẫn đến việc báo cáo không đầy đủ, toàn diện và không đánh giá đúng thực trạng vấn đề, làm ảnh hưởng tới việc theo dõi tiến độ thực hiện Công ước 182 cũng như làm suy yếu trách nhiệm giải trình và giảm sự uy tín của các quốc gia thành viên của ILO.

4.2.1. Hạn chế do định nghĩa hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và lao động trẻ em nguy hiểm còn mơ hồ

Theo Khoản 2 Điều 3 Công ước số 138 và Khoản 1 Điều 4 Công ước số 182, các loại việc làm hoặc công việc cụ thể cấu thành nên công việc nguy hiểm được xác định theo luật pháp và quy định của quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, từ góc độ pháp lý, hiện nay không tồn tại danh sách tiêu chuẩn quốc tế về các công việc nguy hiểm, đồng thời, không thể lập nên thước đo thống kê tiêu chuẩn về công việc nguy hiểm để có thể áp dụng chung ở tất cả các quốc gia tiến hành khảo sát LĐTE. Chính ILO, trong báo cáo chính thức của mình, cũng đã thừa nhận ranh giới của công việc nguy hiểm không dễ xác định, đặc biệt là khi tác hại của những công việc gây ra cho trẻ em thường không rõ ràng trong ngắn hạn.

Ngoài ra còn tồn tại một mức độ mơ hồ nhất định về việc định nghĩa các loại hình LĐTE tồi tệ nhất khác. Chẳng hạn như, ngoài việc đưa ra nội dung về “mọi hình thức [...] lao động cưỡng bức trong đó có tuyển mộ cưỡng bức trẻ em tham gia vào các xung đột vũ trang” trong Khoản a Điều 3 của Công ước 182, không có sự đề cập cụ thể nào về định nghĩa chính xác của “lao động cưỡng bức trẻ em” trong bản thân Công ước hay các Khuyến nghị ban hành kèm theo.

Sự mơ hồ trong các định nghĩa liên quan đến LĐTE đã khiến cho việc phát triển các công cụ thu thập dữ liệu có thể đo lường chính xác và đáng tin cậy cũng như so sánh dữ liệu về lao động trẻ em và lao động trẻ em nguy hiểm giữa các quốc gia và khu vực khác nhau. Điều này là một trở ngại lớn đối với việc nghiên cứu, đánh giá và báo cáo chính xác, đầy đủ về thực trạng thực hiện Công ước 182.

4.2.2. Hạn chế do bản chất của các công việc lao động trẻ em

Việc khảo sát và tổng hợp số liệu cũng gặp phải khó khăn đối với trường hợp trẻ em làm việc trong những khu vực kinh tế phi chính thức như các chủ thể kinh doanh chưa có tư cách pháp nhân... và trong các hoạt động kinh doanh bất hợp pháp. Chưa kể, những nhóm LĐTE nói trên hầu hết đều được che giấu khỏi tầm nhìn của công chúng và các cơ quan tư pháp. Ngoài ra, tính không liên tục của công việc trẻ em, nói cách khác là việc trẻ em thường xuyên gia nhập và rời bỏ lượng lao động, cũng khiến cho thước đo các tổ chức quốc tế đưa ra trở nên kém chính xác hơn. Levison et al (2007) cũng đưa ra rằng các phương pháp được sử dụng bởi cuộc khảo sát lực lượng lao động và hộ gia đình để xác định việc làm của người trưởng thành – bằng cách hỏi về công việc trong tuần qua – thường không hiệu quả đối với trẻ em bởi các em có thể làm việc vào tuần này, không làm việc tuần sau và có công việc khác ngay tuần sau đó.

4.2.3. Thách thức về tính thường xuyên của các báo cáo số liệu khảo sát về lao động trẻ em

Các quốc gia thành viên của ILO đã phát triển hệ thống thông tin và giám sát thống kê về LĐTE riêng, dưới sự giúp đỡ của Chương trình Theo dõi và Thông tin Thống kê về Lao động trẻ em của ILO. Tại Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp tiến hành với Tổng cục Thống kê cùng sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật của ILO đã tiến hành Điều tra quốc gia về LĐTE nhằm cập nhật thông tin, diễn biến tình hình LĐTE. Tuy nhiên, tính tới năm 2023, Việt Nam mới chỉ tiến hành cuộc Điều tra quốc gia về LĐTE hai lần, với lần gần nhất là vào năm 2018. Dựa vào các con số ước tính của các quốc gia thành viên, ILO đã theo dõi và lập ra báo cáo về các vấn đề về LĐTE trên toàn cầu 4 năm một lần: “Global Estimates of Child Labour”, với lần báo cáo gần nhất là vào năm 2020. Tuy nhiên, do sự biến đổi liên tục của nền kinh tế thị trường và sự phức tạp của chuỗi cung ứng, khoảng cách thời gian khá xa từ lần tổng hợp số liệu gần nhất (3 năm đối với quốc tế nói chung và 5 năm đối với Việt Nam nói riêng) có thể gây ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách thiết kế và thực hiện các biện pháp can thiệp và chương trình hiệu quả nhằm chống lại LĐTE. Nếu không có những dữ liệu đó, các chính phủ và tổ chức có thể gặp khó khăn trong việc phân bổ nguồn lực hợp lý và giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của vấn đề, khiến việc thực thi trở nên khó khăn và tình trạng LĐTE tiếp diễn, kéo dài.

4.3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Công ước 182 năm 1999 của ILO tại Việt Nam

4.3.1. Khuyến nghị đối với Chính phủ

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về sử dụng lao động trẻ em ở Việt Nam

Nhìn chung, Việt Nam đã xây dựng những quy định nhằm bảo vệ và chăm sóc trẻ em tương đối đầy đủ, phù hợp với pháp luật quốc tế, tuy nhiên, hiện vẫn còn một số bất cập về độ tuổi tối thiểu tham gia lao động, về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của LĐTE và về danh mục các ngành nghề bị cấm sử dụng LĐTE.

Nước ta là một nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, với mục tiêu do con người, vì con người, vì vậy việc hoàn thiện pháp luật về LĐTE và ngăn ngừa, xóa bỏ LĐTE là rất cần thiết để bảo vệ quyền lợi cơ bản và sự phát triển toàn diện thế hệ tương lai của đất nước. Do vậy, Việt Nam cần nhanh chóng sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa các quy định pháp luật nói chung và khung pháp lý điều chỉnh vấn đề LĐTE nói riêng, bảo đảm phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam và phù hợp các tiêu chuẩn của pháp luật lao động quốc tế.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về thẩm định chuỗi cung ứng tại Việt Nam

Về vấn đề LĐTE, chính phủ các nước đã xem xét và ban hành Luật Thẩm định chuỗi cung ứng với mục tiêu cải thiện công tác bảo vệ quyền con người và môi trường trong chuỗi cung ứng toàn cầu và ngăn chặn những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động nói chung và tình trạng LĐTE nói riêng. Theo đó, các doanh nghiệp phải giám sát mọi hoạt động của mình và các nhà cung cấp trực tiếp cho họ trên toàn thế giới, thuộc mọi quy mô, đồng thời phải có hành động thích hợp nếu phát hiện sai phạm. Ngoài ra, chế tài đối với doanh nghiệp vi phạm cũng rất nghiêm khắc, bao gồm từ phạt tiền, phạt theo phần trăm doanh thu hoặc bị loại khỏi đấu thầu công khai và cấm tham gia các hợp đồng công...

Tại Việt Nam, thẩm định doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng không phải là mới mà thực chất là những gì chúng ta đang và đã làm. Tuy nhiên, những quy định này hướng đến việc doanh nghiệp tự nguyện. Nhóm tác giả cho rằng Quốc hội Việt Nam cần soạn thảo Điều luật thẩm định chuỗi cung ứng riêng, đảm phù hợp với quy định pháp luật cũng như điều kiện kinh tế - xã hội và điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam, đồng thời yêu cầu các doanh nghiệp bắt buộc tuân thủ để được tham gia vào chuỗi cung ứng của quốc gia. Việc thông qua luật này sẽ tạo thêm nhiều trách nhiệm cho doanh nghiệp, đồng thời, doanh nghiệp cũng cần nhìn luật như một cơ hội tiềm năng, khẳng định vị thế của mình bằng việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Có như vậy, việc thực hiện để nhận diện, ngăn ngừa, giảm thiểu và giải trình về những phương thức được áp dụng để giải quyết các tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn trong hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là vấn đề lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng, mới được xem xét ở góc nhìn toàn diện hơn. Điều này đóng vai trò làm tiền đề để chính phủ Việt Nam, cùng với sự chung tay hỗ trợ của nhiều bên, bao gồm các pháp nhân thương mại, các cộng đồng, tổ chức phi chính phủ... có thể tiếp cận và giải quyết triệt để tình trạng lao động trẻ em.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật lao động về bảo vệ lao động trẻ em

Chính phủ Việt Nam cần có những phương hướng, giải pháp cụ thể, phù hợp với thực trạng trẻ em tham gia lao động trên từng địa bàn để các quyền và lợi ích của các em. Một số khuyến nghị của nhóm tác giả về phương diện này bao gồm:

- Thành lập cơ quan Thanh tra lao động chuyên ngành về lao động chưa thành niên và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, đồng thời phối hợp các ngành, các đoàn thể có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành công tác xã hội phù hợp với chức năng, nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc trẻ em
- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người, quyền trẻ em cho trẻ em và các chủ thể pháp luật khác, đặc biệt tại khu vực vùng sâu vùng xa nơi có tình trạng lao động trẻ em diễn ra thường xuyên nhất do dân trí còn chưa cao. Ngoài ra, cần kết hợp chặt chẽ với công tác truyền thông vận động xã hội trong thực hiện pháp luật về LĐTE và bảo vệ quyền trẻ em
- Thống kê, điều tra toàn diện và xử lý nghiêm minh mọi vi phạm pháp luật xâm phạm đến quyền trẻ em, đặc biệt là hành vi lợi dụng LĐTE và các HTLĐTETT
- Kết hợp sử dụng các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác (đạo đức, tập quán, tín điều tôn giáo, v.v..) để hỗ trợ cho thực hiện pháp luật bảo vệ LĐTE
- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện pháp luật và thực hiện pháp luật bảo vệ quyền trẻ em nói chung, bảo vệ trẻ em khỏi LĐTE nói riêng.

4.3.2. Khuyến nghị đối với pháp nhân thương mại Việt Nam

Thứ nhất, chủ động đánh giá rủi ro thực tế tiềm ẩn của LĐTE và kiểm soát chuỗi cung ứng

Việc đảm bảo doanh nghiệp được chuẩn bị tốt để xác định và đối phó với vấn đề LĐTE chính là điểm khởi đầu vô cùng quan trọng. Bất cứ khi nào một doanh nghiệp có lý do để lo ngại rằng trẻ em có thể được tuyển dụng trong những hoàn cảnh trái ngược với các tiêu chuẩn tối thiểu hoặc bị vướng vào LĐTE nguy hiểm, doanh nghiệp cần hành động ngay tức khắc để kiểm tra xem mối lo ngại đó có xác đáng hay không. Quan trọng nhất, các doanh nghiệp tham

gia hoạt động kinh doanh quốc tế cần tìm hiểu khả năng LĐTE có thể xuất hiện ở quốc gia, khu vực kinh tế cụ thể nơi doanh nghiệp đang xem xét hoặc đang kinh doanh. Các nguồn thông tin đáng tin cậy có thể kể đến như: Chuỗi tập huấn cho doanh nghiệp của Dự án thúc đẩy Quyền Trẻ em và các Nguyên tắc Kinh doanh (CRBP) trong doanh nghiệp tại Việt Nam, liên kết thực hiện với UNICEF và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc dành cho doanh nghiệp, Hướng dẫn của OECD: Hướng dẫn cho Doanh nghiệp đa quốc gia, và Công cụ hướng dẫn LĐTE của ILO-IOE dành cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng cần lựa chọn đối tác kinh doanh phù hợp, không vi phạm về quyền LĐTE. Cũng giống như việc doanh nghiệp tuân thủ những quy định pháp luật và các tiêu chuẩn lao động, việc xem xét, đánh giá và xác định mức độ nhận thức của, đối tác quốc tế, nhà cung cấp, việc họ tuân theo các quy định và hệ thống, báo cáo của các chuyên gia địa phương và thực hiện các biện pháp có thể được thực hiện để giảm nguy cơ LĐTE tại nơi làm việc hay không là vô cùng cần thiết. Trong trường hợp nhận thấy mức độ rủi ro cao hơn hoặc thiếu sự rõ ràng, minh bạch, doanh nghiệp có thể cần phải điều tra chi tiết hơn và sử dụng các phương pháp gián tiếp để điều tra sâu hơn, bao gồm cả nguyên nhân cơ bản của việc sử dụng LĐTE. Nếu phát hiện bằng chứng về sự tồn tại của LĐTE, doanh nghiệp cần chủ động cung cấp thông tin cho cảnh sát, thanh tra lao động hoặc các cơ quan tư pháp để có thể kịp thời giải quyết vấn đề.

Thứ hai, đưa ra tuyên bố công khai của doanh nghiệp về việc tôn trọng và góp phần xóa bỏ LĐTE trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng

Các doanh nghiệp nên xem xét lưu lại tài liệu những hành động đã làm để xác định những hành vi lạm dụng LĐTE có thể xảy ra, khắc phục những hành vi lạm dụng LĐTE khi chúng được phát hiện và ngăn chặn chúng tái diễn. Doanh nghiệp cũng cần phải báo cáo với các thành viên công ty, cổ đông và công chúng (và đôi khi với các cơ quan chính phủ) về những điều này cũng như các hành động khắc phục hoặc phòng ngừa được thực hiện. Các chỉ số và chiến lược hoạt động chính cần được áp dụng để theo dõi và liên tục xem xét tính hiệu quả của các chính sách và thủ tục về LĐTE, cũng như hệ thống ra quyết định và trách nhiệm giải trình trong công ty, đồng thời sửa đổi chúng khi thích hợp. Việc công bố dữ liệu về nỗ lực giải quyết vấn đề LĐTE có thể có một số tác động tích cực đến tình hình LĐTE hiện nay:

- Việc công khai dữ liệu về các chính sách và thực tiễn về LĐTE sẽ làm tăng tính minh bạch. Sự minh bạch này có thể là một công cụ mạnh mẽ để buộc các pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm về hành động của mình. Điều này cũng cho phép các bên liên quan, bao gồm nhà đầu tư, tổ chức phi chính phủ và cơ quan chính phủ, theo dõi và đánh giá tốt hơn cam kết của công ty về việc xóa bỏ LĐTE.

- Khi các tập đoàn chia sẻ dữ liệu về nỗ lực chống LĐTE, điều này có thể tạo ra áp lực công khai buộc họ phải làm tốt hơn. Người tiêu dùng thông thái có thể chọn hỗ trợ các công ty có chính sách chống LĐTE mạnh mẽ và tránh hoặc lên án, chỉ trích những công ty có hồ sơ nghi vấn. Dư luận tiêu cực vì những nỗ lực không thỏa đáng có thể thúc đẩy các công ty cải thiện hoạt động của mình và đầu tư nhiều hơn vào việc ngăn chặn LĐTE trong chuỗi cung ứng của họ.

- Khi các doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu một cách công khai, họ cũng có thể nêu bật các chiến lược thành công và các phương pháp hợp lý nhất mà họ đã triển khai để chống lại LĐTE.

Thông tin này có thể mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp khác đang tìm cách cải thiện chính sách và thực tiễn của riêng họ.

5. Kết luận

Thực tế cho thấy rằng, kiểm soát tình trạng sử dụng LĐTE không phải một bài toán có thể giải quyết dễ dàng, đòi hỏi sự cộng tác của toàn cộng đồng quốc tế. Đối với mỗi quốc gia, đó là sự kết hợp giữa việc thiết lập chính sách pháp luật mạnh mẽ và việc xây dựng hệ thống cơ quan thực quyền hiệu quả. Bài nghiên cứu đưa ra một cái nhìn tổng quan về thực trạng sử dụng lao động trẻ trong phạm vi ba khu vực kinh tế của quốc gia. Từ phân tích và đánh giá có thể thấy mức độ sử dụng LĐTE trong các ngành kinh tế tuy có chuyển biến tích cực nhưng chưa thật sự rõ ràng. Điều đáng nói là tình trạng vi phạm pháp luật lao động nói chung và Công ước 182 nói riêng chưa thật sự được rà soát một cách nghiêm ngặt, khiến cho tình trạng sử dụng LĐTE trái pháp quy được thực hiện một cách vô thức và không hạn chế, luôn tiềm ẩn nguy cơ về an toàn lao động. Các cơ quan nhà nước và các cơ quan liên quan cần thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, và thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật liên quan đến việc loại bỏ LĐTE, đặc biệt là loại bỏ những hình thức lao động tồi tệ nhất.

Tài liệu tham khảo

Bộ LĐ-TB-XH. (2013), Danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH.

Bộ LĐ-TB-XH. (2020), Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động chưa thành niên.

Bộ LĐ-TB-XH. (2023), Thông báo số 1229/TB-LĐTBXH về Tình hình Tai nạn Lao động năm 2022.

Bộ Xây dựng. (2022), “Nâng cao chất lượng nguồn lực ngành xây dựng Việt Nam”, *Báo Xây dựng*, Available at: <https://baoxaydung.com.vn/nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-nganh-xay-dung-viet-nam-340116.html> (Accessed 18 Oct, 2023).

GSO & Bộ LĐ-TB-XH. (2012), “Điều tra quốc gia về LĐTE 2012”, Available at: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_237841.pdf (Accessed 18 Oct, 2023).

GSO & Bộ LĐ-TB-XH. (2018), “Điều tra quốc gia về LĐTE 2018”, Available at: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_764355.pdf (Accessed 18 Oct, 2023).

ILO. (1973), “Công ước số 138 về Tuổi Lao động tối thiểu”, Available at: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Cong-uoc-ve-tuoi-lao-dong-toi-thieu-1973-270278.aspx> (Accessed 19 Oct, 2023).

ILO. (1999), “Công ước số 182 về Xóa bỏ những hình thức LĐTE tồi tệ nhất”, Available at: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Cong-uoc-182-nam-1999->

ngkiem-cam-hanh-dong-khan-cap-xoa-bo-cac-hinh-thuc-lao-dong-tre-em-toi-te-nhat-102297.aspx (Accessed 19 Oct, 2023).

ILO. (2002), “Global report: A future without child labour”, Available at: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@dgreports/@dcomm/@publ/documents/publication/wcms_publ_9221124169_en.pdf (Accessed 05 Oct, 2023).

ILO. (2012), “Hard to see, Harder to Count: Survey Guidelines to Estimate Forced Labour of Adults and Children”, Available at: https://ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_norm/---declaration/documents/publication/wcms_182096.pdf (Accessed 16 October, 2023)

ILO. (2014), “How to do business with respect for children’s right to be free from child labour: ILO-IOE child labour guidance tool for business”, Available at: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_norm/---ipecc/documents/instructionalmaterial/wcms_ipecc_pub_27555.pdf(Accessed 19 Oct, 2023).

ILO. (2016), “Global Estimates of Child Labour: Result and trends, 2012 -2016”, Available at: https://www.ilo.org/global/publications/books/WCMS_575499/lang--en/index.htm (Accessed 17 Octobbu, 2023).

Wit. (2020), “Child Labour: Global estimates 2020, trends and the road forward”, Available at: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_norm/---ipecc/documents/publication/wcms_797515.pdf (Accessed 9 Octob10, 2023).

ILO. (2021), “International Labour Organization Constitution”, p.5, Available at: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_818970.pdf (Accessed 10 October, 2023).

ILO. (nd), “What is child labour?”, Available at: <https://www.ilo.org/ipecc/facts/lang--en/index.htm> (Accessed 06 October, 2023).

ILO, GSO & Bộ LĐ-TB-XH. (2020), “Khảo sát LĐTE quốc gia Việt Nam 2018: Những phát hiện chính”, Available at: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_764355.pdf.

Levison, D. et al. (2007), “Intermittent Child Employment and Its Implications for Estimates of Child Labour, *International Labour Review*, p.217–251.

NORMLEX - Cổng thông tin về Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế. (nd), “Conventions”, Available at: <https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=1000:12000:.....> (Accessed 13 October, 2023).

OECD. (2011), “Guidelines for Multinational Enterprises”, Available at: <https://www.oecd.org/corporate/mne/48004323.pdf> (Accessed 19 October, 2023).

Quốc hội. (2015), Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.

Quốc hội. (2016), Luật trẻ em số 102/2016/QH13.

Quốc hội. (2019), Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.

UN. (2011), “Guiding Principles on Business and Human Rights”, Available at: https://www.ohchr.org/sites/default/files/documents/publications/guidingprinciplesbusinesshr_en.pdf (Accessed 19 October, 2023).